Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các tộc người ở Tây Nguyên

NGÔ ĐỨC THỊNH*

1. Tây Nguyên là vùng văn hóa dân gian phong phú và độc đáo nhất ở nước ta

Đã có những công trình khoa học khẳng định Tây Nguyên là một trong bảy vùng văn hóa lớn của nước ta[1].

Cũng đã có không ít các công trình ở trong và ngoài nước phác họa nên bức tranh rất đa dạng và phong phú về văn hóa Tây Nguyên[2]. Do vậy, ở đây tôi không thể và cũng không cần phải đi sâu vào các khía cạnh cụ thể về văn hóa Tây Nguyên, mà có chăng chỉ xin nêu một số đặc trưng cơ bản về văn hóa truyền thống các dân tộc Tây Nguyên.

- Trước nhất, Tây Nguyên xa xưa cũng như hiện nay là *nơi gặp gỡ của nhiều luồng dân cư, nơi giao lưu văn hóa của nhiều tộc người, do vậy các tộc người Tây Nguyên và văn hóa Tây Nguyên là bức thảm nhiều màu sắc.* Cuộc gặp gỡ đầu tiên là của các tộc người nói ngôn ngữ Mon - Kh'mer với các tộc người nói ngôn ngữ Nam Đảo từ ven biển và hải đảo vượt lên vào đầu thời kỳ kim khí, tạo nên một lớp cư dân bản địa mà con cháu của họ sinh sống tới nay với khoảng trên dưới hai mươi tộc người lớn nhỏ khác nhau, như Ba-na, Xê-đăng, Mnông, Mạ, Stiêng, Hrê, Bơ-râu, Giẻ-triêng... (Mon -Kh'mer) và Ê-đê, Gia-rai, Raglai, Chu-ru (Nam Đảo). Sau đó, vào các giai đoạn lịch sử khác nhau, Tây Nguyên lại đón nhận thêm các nhóm tộc người từ các vùng của đất nước đến định cư, như người Việt, các tộc người thiểu số ở miền Trung (Bru-Vân Kiều) và đặc biệt là từ miền núi phía Bắc vào các thập kỷ gần đây, như Tày, Thái, Nùng, Mường, H'mông, Dao... Tất cả đã làm cho Tây Nguyên trở thành một *vùng có thành phần tộc người phức tạp và đông đảo nhất ở nước ta hiện nay* (khoảng trên bốn mươi tộc người, trong đó khoảng hai mươi tộc người bản địa). Hơn thế nữa, các tộc người lại cư trú xen cài với nhau không chỉ trong phạm vi xã, huyện, mà thậm chí trong từng buôn làng, từng gia đình, khiến cho xu thế giao lưu ảnh hưởng văn hóa giữa các tộc người trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

- Tây Nguyên là *vùng văn hóa cổ*, dấu tích con người có mặt ít nhất cũng từ thời đá mới, đặc biệt là với những phát hiện khảo cổ học gần đây ở Lung Leng (Kon Tum) và Cát Tiên (Lâm Đồng) đã đặt Tây Nguyên vào vùng *đã từng có nền văn hóa đạt trình độ cao*, tương đương về trình độ và niên đại với văn hóa Đông Sơn ở Bắc bộ, Sa Huỳnh ở Trung bộ và Đồng Nai ở Nam bộ. Điều đó khiến chúng ta không thể coi Tây Nguyên là vùng "nguyên thủy", "lạc hậu" như lâu nay từng nghĩ. Trong lịch sử, Tây Nguyên đã từng là địa bàn nằm trong khu đệm giữa vương quốc Angkor ở phía tây và Champa ở phía đông, do vậy, cũng không tránh khỏi những xáo trộn và ảnh hưởng do tác động từ các quốc gia này. Tuy nhiên, nói đến *Tây Nguyên là nói tới một vùng gần như duy nhất của Đông Nam Á không chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ* (phi Hoa phi Ấn). Do vậy, văn hóa Tây Nguyên cổ truyền được coi là *kho vốn văn hóa khá nguyên gốc* của Đông Nam Á trước khi bước vào quá trình "Ấn Độ hóa" và "Trung Hoa hóa".

- Văn hóa Tây Nguyên, xét về bản chất là "văn hóa rừng", "văn hóa thực vật", về trình độ phát triển là "văn hóa dân gian truyền miệng thời kỳ tiền nhà nước, tiền giai cấp", về quy mô là "văn hóa buôn làng", do vậy, văn hóa ít biểu hiện thành các dạng vật thể có quy mô to lớn, bền chắc, mà chủ yếu *bằng tre gỗ, quy mô nhỏ* tương ứng với từng *cộng đồng làng buôn*, sự kỳ vĩ của nó *biểu hiện chủ yếu trong văn hóa phi vật thể hơn là vật thể, như sử thi, âm nhạc cồng chiêng.* Thí dụ, những bộ sử thi của người Mnông, Xê-đăng quy mô đồ sộ dài hàng chục vạn trang, những nghệ nhân có thể nhớ và hát sử thi liên tục trên dưới một trăm giờ...

- Người Tây Nguyên còn ở trình độ *tư duy hiện thực huyền ảo,* hiện thực vì mọi cái đều được con người quy về các hiện tượng tự nhiên, quy về thế

* GS.TS., Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu và Bảo tồn Tín ngưỡng Việt Nam.

giới động vật, thực vật quanh mình, nói cách khác là họ ưa lấy các hiện tượng tự nhiên làm hệ quy chiếu cho con người; còn huyền ảo là vì tất cả các hiện tượng tự nhiên ấy đều mang trong nó cái *"Yang"* (hồn, thần), khiến thế giới bao quanh con người luôn là một thế giới vật chất có hồn, chứ không phải là vô tri vô giác... Con người thực sự là một bộ phận của tự nhiên, bình đẳng và gắn kết với tự nhiên, đó là nhân tố quan trọng tạo nên *tính nhân bản sâu sắc* của nền văn hóa Tây Nguyên.

Ngôn ngữ của con người Tây Nguyên là *ngôn ngữ giàu hình ảnh* và *vần điệu*, đó là thứ *ngôn ngữ lời nói vần,* một hình thức trung gian giữa ngôn ngữ thường ngày và ngôn ngữ văn học. Đặc tính tư duy và hình thức ngôn ngữ đó của con người Tây Nguyên đã khoác lên văn hóa của họ những màu sắc, đường nét thật độc đáo, thật kỳ ảo.

- Cho đến trước ngày giải phóng miền Nam (1975), Tây Nguyên còn tiềm ẩn những *kho tàng văn hóa dân gian thật phong phú và đồ sộ*. Đó là *văn học truyền miệng* với nhiều thể loại phong phú, trong đó tiêu biểu nhất là *kho tàng sử thi* với hàng trăm tác phẩm, được trình diễn trong sinh hoạt cộng đồng, là dạng *sử thi sống,* khiến Tây Nguyên được coi là *vùng sử thi duy nhất* ở nước ta và là *vùng sử thi quý hiếm* trên thế giới. Đó là *nền âm nhạc cồng chiêng*, mà tiền thân của nó là những bộ đàn đá tiền sử, vật sở hữu duy nhất của Tây Nguyên hiện nay. Đó là những *bộ luật tục bằng văn vần truyền miệng*, nơi chứa đựng những tri thức phong phú về quản lý cộng đồng, về bản sắc văn hóa của từng dân tộc. Đó là *kiến trúc* nhà ở, nhà công cộng (*nhà rông, nhà gươl, nhà dài*...), điêu khắc *tượng nhà mồ*, *mỹ thuật trang trí* độc đáo, ở đó thể hiện những mối quan hệ văn hóa xa xưa với thế giới hải đảo ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương. Đó là hệ thống *tín ngưỡng, phong tục lễ hội* mang đậm chất tự nhiên và nhân văn, khiến con người không chỉ gần gũi và hòa đồng với thiên nhiên, mà hòa đồng giữa con người với nhau thành một cộng đồng gắn kết bền chắc...[3].



Các chiến binh người dân tộc ở Gia Lai đầu thế kỷ 20
Ảnh tư liệu do ông Bình Vương cung cấp

2. Các khuynh hướng biến đổi văn hóa Tây Nguyên hiện nay

Như trên đã nói, trong lịch sử Tây Nguyên đã từng là khu vực văn hóa "phi Hoa, phi Ấn", tuy nhiên như thế không có nghĩa Tây Nguyên là khu vực hoàn toàn biệt lập. Tây Nguyên, ngoài mối quan hệ với các vương triều Campuchia, Champa thời kỳ trước sau thiên niên kỷ I sau Công nguyên, thì theo những tư liệu lịch sử mà chúng ta biết được, các thủ lĩnh Tây Nguyên đã có quan hệ với phong kiến Đại Việt vào thời kỳ Lý -Trần (thế kỷ 12 - 13). Tuy nhiên, mối quan hệ ấy thực sự trở nên thường xuyên hơn là từ thời nhà Nguyễn.

Thực dân Pháp xâm lược và đô hộ các nước Đông Dương đã bước đầu lôi kéo Tây Nguyên vào quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân phương Tây tư bản chủ nghĩa. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Mỹ, giải phóng dân tộc của nhân dân ta suốt một thế kỷ đã thực sự gắn kết máu thịt Tây Nguyên với Tổ quốc Việt Nam. Sau năm 1975, đất nước được giải phóng và thống nhất, Tây Nguyên cùng cả nước xây dựng và phát triển đất nước theo con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Trong bối cảnh chính trị và xã hội đó, nhất là vào những thập kỷ gần đây, văn hóa các tộc người Tây Nguyên biến đổi nhanh theo những xu hướng khác nhau, thậm chí trái ngược nhau. Theo chúng tôi, có bốn xu hướng chính trong biến đổi văn hóa các tộc người ở Tây Nguyên.

2.1. Giao lưu và ảnh hưởng văn hóa

Đó là một trong những khuynh hướng và tác nhân quan trọng đối với sự biến đổi văn hóa của các dân tộc ở nước ta nói chung và Tây Nguyên nói riêng hiện nay. Tuy nhiên, khác với tất cả các giai đoạn lịch sử trước kia, quy mô và cường độ của giao lưu ảnh hưởng văn hóa đã mở rộng và mạnh mẽ hơn rất nhiều. Những giao lưu, ảnh hưởng này diễn ra giữa các tộc người trong vùng, giữa người Kinh và các tộc người Tây Nguyên, giữa Tây Nguyên với các đô thị và xa hơn với quốc tế nữa. Cường độ giao lưu diễn ra nhanh chóng, sôi động, thậm chí trở thành sức ép, khiến sự ảnh hưởng và tiếp nhận mang tính "áp đặt" một chiều, không có điều kiện "tiêu hóa". Cơ chế tự nhiên của quá trình tiếp nhận cái mới vào văn hóa tộc người là: *đan xen, hỗn dung, lựa chọn, tái tạo, liên kết hóa* thì nay cũng bị đảo lộn và rút ngắn.

Nguyên nhân của hiện tượng này là do sự phát triển của giao thông, thông tin đã thực sự rút ngắn khoảng cách và phá bỏ mọi sự biệt lập dân tộc. Đặc biệt, ở Tây Nguyên quá trình phân bố lại dân cư trên địa bàn lãnh thổ nửa thế kỷ qua, nhất là từ sau 1975

tới nay, đã phá vỡ "lãnh thổ tộc người" truyền thống, tạo nên hình thái cư trú xen cài giữa các tộc người, trong đó tỷ trọng người Kinh càng ngày càng chiếm tỷ lệ cao, đã là tác nhân quan trọng nhất tạo nên diện mạo dân cư, dân tộc và quá trình giao lưu ảnh hưởng văn hóa.

Giao lưu ảnh hưởng văn hóa giữa các tộc người nội vùng Tây Nguyên và với bên ngoài có tác động nhiều mặt, cả tích cực và tiêu cực. Trước nhất, giao lưu, ảnh hưởng góp phần thúc đẩy quá trình xích lại gần nhau và hiểu biết giữa các dân tộc, là tác nhân quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình biến đổi văn hóa truyền thống các dân tộc, khiến cho nhiều hiện tượng và giá trị văn hóa mới đã thâm nhập và phát huy tác dụng trong đời sống, như về ngôn ngữ, chữ viết, giáo dục, khoa học, về ăn, mặc, ở, đi lại, sinh hoạt văn hóa và vui chơi giải trí...

Tuy nhiên, do cường độ và phạm vi của giao lưu, ảnh hưởng mạnh mẽ và rộng lớn, đã tạo ra *sự choáng ngợp, nhiễu loạn giữa cái mới và cũ, cái hiện đại và cái cổ truyền*, trong khi cái mới, cái từ bên ngoài và cái hiện đại ở trình độ phát triển cao hơn, áp lực mạnh mẽ hơn, khiến chủ thể tiếp nhận văn hóa không có điều kiện và thời gian để lựa chọn, tiếp thu và tái tạo, liên kết hóa. Hậu quả tất yếu là cái cũ, cái truyền thống, cái nội lực bị lấn át, áp đảo, thậm chí chủ nhân văn hóa bị ngộ nhận, chối bỏ quay lưng lại với truyền thống, còn cái mới thì xô bồ, chưa được lựa chọn, ồ ạt chiếm lĩnh đời sống văn hóa các tộc người.

2.2. Đứt gãy giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình đổi mới văn hóa các tộc người

Đó là sự đổi mới văn hóa truyền thống diễn ra một cách bình thường, có nghĩa là không có kế thừa và phát triển, không có tiếp thu và loại bỏ, mà thường là sự đan xen hỗn loạn giữa cái cũ và cái mới, không tạo nên sự liên kết hữu cơ giữa chúng với nhau, cái cũ mất đi, cái mới chưa hình thành, tạo nên *sự hụt hẫng* trong đời sống văn hóa và hệ quả thường là đời sống văn hóa của nhân dân bị *suy kiệt và trở nên nghèo nàn*. Do vậy, nhiều truyền thống, giá trị và di sản văn hóa quý báu đã và đang bị mất đi nhanh chóng, thậm chí ngộ nhận dẫn đến tình trạng chủ nhân của nó quay lưng lại chối bỏ cái vốn có của dân tộc mình. Trên bình diện quan hệ xã hội, nhiều chuẩn mực đạo đức và ứng xử gắn với xã hội cổ truyền nay đã lỗi thời và đang dần mất đi, tuy nhiên các chuẩn mực ứng xử của xã hội mới lại chưa hình thành và định hình, khiến trong quan hệ xã hội những giá trị đạo đức dễ bị lệch chuẩn, đảo lộn và nhiễu loạn.

Đây là xu hướng biến đổi văn hóa mang tính chung ở hầu khắp các tộc người ở nước ta, tuy nhiên với Tây Nguyên tình hình trở nên trầm trọng hơn. Đó là vì: a) Các tộc người bản địa Tây Nguyên từ một xã hội phát triển thấp nay tiếp cận với xã hội kinh tế thị trường phát triển nhanh chóng khiến họ chưa kịp tự bảo vệ, nên dễ bị tổn thương và ngộ nhận, b) Tình trạng di dân ồ ạt, cư trú xen cài đã làm tăng lên ở mức cao quá trình giao lưu, đồng hóa văn hóa giữa các tộc người, nhất là giữa người Kinh với các dân tộc thiểu số, dẫn tới tình trạng nhiễu loạn trong biến đổi văn hóa.

2.3. Khuynh hướng đồng hóa tự nhiên về văn hóa

Đồng hóa tự nhiên là một quá trình tiếp xúc, giao lưu ảnh hưởng văn hóa tự nhiên giữa các tộc người, thường là giữa các tộc người có dân số lớn, trình độ phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa cao hơn các tộc người hay nhóm nhỏ tộc người láng giềng, dẫn đến tình trạng, các tộc người hay các nhóm nhỏ tộc người đó tiếp thu văn hóa của tộc người có trình độ phát triển cao hơn, thậm chí các tộc người nhỏ ấy có thể bị đồng hóa một phần hay hoàn toàn vào các tộc người lớn hơn và tự coi mình là thành viên của tộc người ấy. Đây là hiện tượng thường thấy trên thế giới, nhất là trong điều kiện xã hội có giai cấp, mà theo V.I. Lênin thì đồng hóa tự nhiên là tiến bộ để phân biệt với đồng hóa cưỡng bức là phản tiến bộ[4].

Theo chúng tôi, ở Tây Nguyên hiện nay đã và đang diễn ra hai quá trình đồng hóa tự nhiên, đó là:

- Các nhóm tộc người nhỏ bản địa, thường là các nhóm địa phương của các tộc người hiện đang sinh



Phụ nữ người dân tộc ở Lâm Đồng đầu thế kỷ 20
Ảnh tư liệu do ông Bình Vương cung cấp

sống ở các vùng ráp ranh giữa các tộc người lớn, như giữa người Ba-na với Gia-rai, Gia-rai với Ê-đê ở Phú Yên và Ea Hleo ở Dăk Lăk, giữa người Ê-đê với Mnông ở Dăk Lăk, người Bih nằm giữa người Ê-đê và Mnông ở Dăk Lăk, người Stiêng với Mnông ở Bình Phước, nhất là các nhóm địa phương, như người Lạt, Chil nằm giữa người Mnông và Kơ-ho ở Lâm Đồng... Quá trình đồng hóa tự nhiên giữa các nhóm bản địa vốn trình độ phát triển không chênh lệch nhau lắm, nên không diễn ra mạnh mẽ và đặc trưng, do vậy cũng không dẫn đến sự đảo lộn đáng kể nào về diện mạo văn hóa Tây Nguyên[5].

- Có lẽ mạnh mẽ hơn và dễ gây ra những thay đổi lớn về sự biến đổi văn hóa Tây Nguyên là *quá trình đồng hóa tự nhiên giữa văn hóa người Kinh và các tộc người bản địa.* Quá trình này lại được quan niệm đồng nhất với xu hướng hiện đại hóa văn hóa của các tộc người thiểu số, coi "Kinh hóa" tức là hiện đại hóa, nói cách khác, các tộc người thiểu số muốn hiện đại hóa phải qua cái cửa "Kinh hóa", cũng giống như người Việt muốn hiện đại hóa phải qua cái cửa "Tây hóa". Quá trình đồng hóa tự nhiên này diễn ra khá mạnh mẽ và trên nhiều lĩnh vực, từ đời sống vật chất lẫn đời sống tinh thần.

Chúng ta nên đánh giá quá trình đồng hóa tự nhiên này như thế nào. Trước nhất, đồng hóa khác với giao lưu văn hóa ở chỗ nó tiếp nhận văn hóa của tộc khác không trên cơ sở cái truyền thống của mình mà tiếp biến để đổi mới, mà chủ yếu là vay mượn thuần tuý, do vậy, quá trình đồng hóa đồng thời cũng là quá trình đánh mất cái gọi là bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Dù đây hoàn toàn là đồng hóa tự nhiên, không có sự áp đặt chủ ý nào, nhưng dù sao nó vẫn là một xu hướng tiêu cực, cần có biện pháp khắc phục.

2.4. Xu hướng phục hồi văn hóa truyền thống

Với nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, xu hướng này chưa thực sự là tự ý thức, là một nhu cầu tự thân, mà chủ yếu mới là *áp lực từ bên ngoài*, từ những chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là sau khi có Nghị quyết Trung ương V về *"xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"* và sau đó là hàng loạt các cuộc vận động, các dự án nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống. Đây là một chính sách văn hóa vừa phù hợp với xu thế thời đại (Thập kỷ văn hóa của UNESCO), vừa hợp với nguyện vọng của nhân dân nước ta nói chung. Do có một khoảng cách nào đó giữa tự ý thức và nhu cầu cấp thiết về việc bảo tồn văn hóa cổ truyền của người dân Tây Nguyên với chủ trương chung của Nhà nước, nên trong quá trình thực thi chủ trương này ở các dân tộc Tây Nguyên bộc lộ nhiều vấn đề cần phải xem xét.

2.5. Phân tích các nguyên nhân

- Nếu coi văn hóa là kết quả của sự thích ứng của con người với môi trường tự nhiên vì nhu cầu tồn tại và phát triển của bản thân mỗi cộng đồng, thì căn nguyên của sự suy thoái hay phát triển đó của văn hóa trước nhất và sâu xa nhất vẫn từ nguồn cội tự nhiên. Đối với Tây Nguyên mấy thập kỷ qua, *rừng bị tàn phá, nguồn nước bị suy giảm, đất đai bị thiếu hụt và ô nhiễm đã trực tiếp ảnh hưởng đến văn hóa*. Tôi tán thành quan điểm của nhà văn Nguyên Ngọc, đối với các dân tộc thiểu số ở vùng núi, rừng bị mất thì văn hóa cũng sẽ tiêu điều, suy kiệt, bởi vì, về bản chất văn hóa của họ là "văn hóa rừng".

- Đối với các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, *cái khung xã hội buôn làng* có vai trò rất quan trọng đối với việc sản sinh, duy dưỡng nền văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc. Như nhiều lần chúng tôi đã phân tích, cơ cấu xã hội buôn làng truyền thống của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong những thập kỷ gần đây chịu những va đập, biến động mạnh, khiến động lực và tính năng động của nó bị suy giảm, thậm chí bị triệt tiêu, đã trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của các tộc người bản địa.

- Áp lực của quá trình giao lưu, ảnh hưởng nội vùng và ngoại vùng, mà nhiều khi là "Kinh hóa", "Tây hóa" cũng tác động không nhỏ đến thực trạng và sự biến đổi văn hóa các dân tộc hiện nay. Đó là quy luật tất yếu, thậm chí có mặt tích cực tác động đến sự biến đổi văn hóa các dân tộc, tuy nhiên liều lượng, mức độ của quá trình giao lưu, ảnh hưởng ngày một mạnh mẽ, trong khi đó nội lực, sự chọn lựa, sức "đề kháng" của văn hóa dân tộc lại yếu ớt, do vậy áp lực đó lấn lướt, áp đặt, gây nên sự nhiễu loạn trong tiếp thu ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài.

Trong *định hướng và quản lý các quá trình phát triển văn hóa* các dân tộc thiểu số của chúng ta còn tỏ ra nhiều bất cập, non kém và thậm chí sai lầm. Trước nhất, trong một thời gian dài, chúng ta ít quan tâm tới lĩnh vực này, chưa thấy hết được vai trò của văn hóa đối với sự phát triển xã hội, nhận thức về văn hóa truyền thống còn lệch lạc, mang nặng tính giai cấp, phủ nhận các giá trị của quá khứ... Trong chỉ đạo công tác văn hóa thì còn nặng *hình thức, phô trương tuyên truyền, bao cấp, áp đặt*, chưa thấy văn hóa là "của dân, do dân, vì dân", tức tính *dân chủ* của văn hóa. Do vậy, tiền của, công sức bỏ ra thì nhiều mà hiệu quả thì còn rất hạn chế.

3. Một số vấn đề đặt ra trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các tộc người ở Tây Nguyên

3.1. Có lẽ cái đầu tiên và quan trọng nhất vẫn là *nhận thức về văn hóa, vai trò của văn hóa* trong phát triển. Văn hóa là "*hệ điều tiết*" đối với sự phát triển xã hội của mọi tộc người và mọi quốc gia. Vậy cái "*hệ điều tiết văn hóa*" đó là gì ? Phải chăng "cái hệ điều tiết" đó là tổng hòa của các nhân tố, như quan niệm sống, lối sống, về ước vọng hạnh phúc, về bản lĩnh, bản sắc của mỗi dân tộc, là tri thức và những kỹ

năng đã được tích lũy, là những giao lưu ảnh hưởng đã được hấp thụ... Điều đó quy định ở mỗi tộc người một quan niệm về phát triển, về sự tốt đẹp, về sự no đủ, cũng như các phương thức, cách thức, biện pháp để đạt được những mục tiêu ấy.

Lâu nay chúng ta luôn nói tới bản sắc văn hóa, truyền thống văn hóa, vậy bản sắc văn hóa và truyền thống văn hóa của mỗi tộc người ở Tây Nguyên là gì? Chúng ta hay nói, thậm chí tiến hành làm cái mà chúng ta chưa tìm hiểu, chưa nắm vững thì thử hỏi kết quả của nó sẽ như thế nào? Đơn cử một thí dụ, chúng ta đang thực hiện chủ trương "nhà rông văn hóa" ở Tây Nguyên, vậy thì tại sao từ tên gọi đến hình dạng nhà rông chỉ thấy ở ngươì Ba-na và một bộ phận người Gia-rai, nay đem nó "áp đặt" cho gần hai mươi tộc người còn lại. Tôi đã thấy những ngôi nhà rông ở một số làng người Ê-đê ở huyện Sông Hinh. Thật không còn gì để nói về việc làm này! Do vậy, nhất thiết chúng ta cần phải tìm hiểu, nghiên cứu kỹ lưỡng những cái mà chúng ta đang định tiến hành, nếu như chúng ta không muốn chuốc lấy sự thất bại.

Chúng ta cũng cần phải làm thay đổi nhận thức của nhân dân các dân tộc bản địa Tây Nguyên về nền văn hóa truyền thống của mình, khắc phục *tư tưởng tự ti, hướng ngoại*, không đánh giá đúng các giá trị văn hóa của dân tộc mình, thậm chí quay lưng lại, chối từ các giá trị truyền thống, nhất là ở các lớp thanh niên. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng, có lòng tự hào chính đáng về truyền thống văn hóa của cha ông để lại thì mới có thể bảo vệ và phát huy nó trong xã hội hiên tại, cũng như có cơ sở để tiếp thu các giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc khác.

Một vấn đề về mặt nhận thức mà lâu nay chúng ta thường tự cho mình có cái quyền đưa ra các phán quyết về hiện tượng văn hóa này là "tiến bộ", hiện tượng kia là "lạc hậu", rồi từ đó quyết định người dân được làm cái này và không được làm cái kia. Đứng từ góc độ chủ thể văn hóa, chúng ta chỉ có thể định hướng cho người dân, còn lựa chọn cái này hay cái kia trong hoạt động và sinh hoạt văn hóa phải là do người dân tự đánh giá, lựa chọn và quyết định.



Một nhóm tộc người ở Gia Lai đầu thế kỷ 20
Ảnh tư liệu do ông Bình Vương cung cấp

3.2. Chúng ta phải thống nhất với nhau rằng, *chủ thể của việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa ở các dân tộc Tây Nguyên phải là nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, đó là sự nghiệp của người Tây Nguyên, cho người Tây Nguyên và vì người Tây Nguyên.* Đó chính là *bản chất dân chủ* của sự nghiệp bảo tồn và phát triển văn hóa. Nếu thiếu điều đó thì mọi ý định tốt đẹp, mọi nhân lực, vật lực mà chúng ta bỏ ra đều không bao giờ đạt được kết quả mong muốn. Chúng ta hãy đơn cử vài thí dụ:

Những năm gần đây, học tập kinh nghiệm của người Kinh ở đồng bằng cũng như chỉ thị của Nhà nước, các tỉnh Tây Nguyên thực hiện việc soạn thảo quy ước buôn làng (có nơi gọi là hương ước). Thực ra, chủ trương này nên lồng ghép vào phong trào xây dựng "gia đình văn hóa" và "buôn làng văn hóa", vì văn hóa là nội dung cơ bản của quy ước buôn làng, thì nhiều địa phương lại thực hiện riêng rẽ, ngành tư pháp và văn hóa chưa kết hợp với nhau chặt chẽ, cũng như phối hợp với các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Tổ quốc để triển khai, giám sát thực hiện. Điều đáng nói hơn là việc soạn thảo các quy ước này nên nghiên cứu kế thừa luật tục truyền thống của mỗi dân tộc, mỗi địa phương, chỉ nên định hướng để mỗi buôn làng căn cứ vào thực tế của địa phương mình tự nêu ra những nội dung cần thiết trong quy ước. Đằng này, chúng ta lại xuất phát từ các khuôn mẫu có sẵn, tự phác thảo ra các bản quy ước rồi thông qua hội nghị nhân dân một cách hình thức. Đó chỉ là thứ "luật pháp hóa luật tục", là việc làm mang tính áp đặt, nhân dân chưa thực sự đóng vai trò người chủ trong việc soạn thảo và thực thi bản quy chế tự quản của mình.

Từ sau Nghị Quyết Trung ương V, ở Tây Nguyên cũng như nhiều vùng dân tộc khác, chúng ta đã triển khai nhiều hoạt động văn hóa truyền thống, như các liên hoan văn hóa nghệ thuật, các chương trình trình diễn giới thiệu những nét đặc sắc văn hóa của mỗi dân tộc... Những hoạt động như vậy là cần thiết nhằm cổ động và nâng cao lòng tự hào của nhân dân về nền văn hóa của mình cũng như tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc. Tuy nhiên, cách tổ chức còn mang nặng tính "trình diễn" (show) hình thức, nhiều khi còn giả tạo, phô trương, thậm chí xuyên tạc, không phản ánh đúng thực tế, các hoạt động trình diễn này phần lớn do các nghệ sỹ chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp thực hiện. Bên cạnh những hoạt động đó, *đời sống văn hóa thường nhật của quần chúng ở cơ sở lại chưa được chú ý đúng mức*. Phải chăng trong nhận thức và hành động của chúng ta đang lấy sự trình diễn, phô trương, tuyên truyền văn hóa thay cho đời sống văn hóa thực sự của quần

chúng nhân dân?

3.3. Theo chúng tôi, ở Tây Nguyên, cái khung tự nhiên và xã hội đảm bảo cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, cho việc phát triển xã hội chính là *buôn làng,* mà tuỳ theo mỗi tộc người, mỗi địa phương được gọi với các tên: *Plây, Buôn, Bon...* Trong mấy thập kỷ qua, do phân bố lại dân cư, do phát triển kinh tế thị trường, cơ cấu xã hội buôn làng bị đảo lộn, tính cộng đồng bị suy giảm, từng hộ nông dân vốn được buôn làng bao bọc, che chở thì nay bị "phơi trần" ra trước sự va đập của những biến động xã hội và thường bị tổn thương. Văn hóa dân tộc về cơ bản là văn hóa buôn làng cũng chịu chung số phận như vậy. Do đó, muốn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, cũng như đưa các nhân tố văn hóa mới vào đời sống dân tộc thì đều phải thông qua cơ cấu xã hội làng buôn. Trước mắt cũng như trong tương lai không gần, đối với Tây Nguyên, xét về cả kinh tế, xã hội và văn hóa thì *tất cả đều phải từ làng buôn và tất cả đều phải đến làng buôn.* Do vậy, *khôi phục lại làng buôn, năng động hóa tính tích cực của làng buôn phải coi là giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy sự ổn định và phát triển xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng*[6].

3.4. Trong bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa cổ truyền của các dân tộc, thường có hai hình thức khác nhau, đó là *bảo tồn tĩnh* và *bảo tồn động*. Bảo tồn tĩnh là bảo tồn *hình thái* các hiện tượng văn hóa ở ngoài môi trường nó nảy sinh và tồn tại, như trong sách báo, các viện bảo tàng, các trưng bày, triển lãm, các kho lưu trữ... Thường các hình thức bảo tồn tĩnh này phục vụ chính cho nhu cầu nghiên cứu khoa học, cho tuyên truyền, tìm hiểu, cho việc lưu giữ lâu dài các hiện tượng văn hóa để sau này khi cần thiết có thể phục chế, tái tạo nó trong đời sống.

Bảo tồn động là hình thức bảo tồn các hiện tượng văn hóa trong chính môi trường xã hội mà nó nảy sinh và tồn tại, để nó tiếp tục biến đổi và phát huy vai trò dưới tác động của những điều kiện xã hội cụ thể. Thí dụ, sử thi là một hiện tượng văn hóa truyền miệng độc đáo của các tộc người ở Tây Nguyên. Hiện nay, chúng ta đang thực hiện việc điều tra, sưu tầm, biên dịch và xuất bản hàng trăm bộ sử thi. Đó chính là hình thức bảo tồn tĩnh, tuy rất cần thiết nhưng vẫn là sự đối phó và thụ động. Tuy nhiên, có hình thức chủ động hơn là làm sao bảo tồn các tác phẩm sử thi này trong môi trường sinh hoạt diễn xướng sử thi của cộng đồng, để sử thi tiếp tục đời sống tự nhiên của nó, để nó tiếp tục đóng vai trò là một hình thức sinh hoạt văn hóa, thỏa mãn nhu cầu văn hóa và nghệ thuật của nhân dân. Hiện tại, chúng tôi đang có những dự án thể nghiệm hình thức bảo tồn sử thi trong môi trường xã hội của các dân tộc, để nó tiếp tục là "sử thi sống" như nó đã từng sống hàng ngàn năm qua.

Bảo tồn văn hóa trong trạng thái động, trong môi trường xã hội chính là thể hiện quan điểm chủ thể văn hóa trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Điều đó có nghĩa nhân dân là người sáng tạo các giá trị văn hóa thì đồng thời là người bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đó, nhà nước không thể làm thay mà chỉ có thể hỗ trợ mà thôi.

3.5. Ở Tây Nguyên cũng như nhiều địa phương khác, các *thiết chế văn hóa* hình như cũng đang có những vấn đề phải bàn. Để thực hiện các chương trình phát triển văn hóa, thì từ ngân sách, cán bộ đến các thiết chế văn hóa đều là của Nhà nước, do vậy cái văn hóa mà chúng ta đang làm thường là mang dấu ấn "*văn hóa nhà nước*". Bây giờ chúng ta thử suy nghĩ khác, làm khác, tức coi văn hóa phải là *hoạt động tự thân của nhân dân*, nhân dân là chủ thể thực hiện và hưởng thụ các giá trị văn hóa, dưới sự định hướng của nhà nước. Nếu chấp nhận quan điểm như vậy thì từ con người làm văn hóa, thiết chế văn hóa, cơ chế hoạt động phải như thế nào? Nếu trước kia hoạt động văn hóa chủ yếu là từ trên xuống, thì bây giờ lại phải từ dưới lên hay kết hợp giữa chúng, trong đó nhân dân vẫn là chủ thể của mọi hoạt động văn hóa.

N.Đ.T.

CHÚ THÍCH

[1] Xem thêm: Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1993).

[2] Chẳng hạn: G. Condominas, *Chúng tôi ăn rừng* (Hà Nội: Thế giới, 2003); J. Dournes, *Rừng, đàn bà và điên loạn* (Thành phố Hồ Chí Minh: Trẻ, 2002); *Miền đất huyền ảo* (Thành phố Hồ Chí Minh: Thành phố Hồ Chí Minh, 2002); Bế Viết Đẳng và các tác giả, *Đại cương các dân tộc Êđê, Mnông ở Đắc Lắc* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1987); Đặng Nghiêm Vạn và các tác giả, *Các dân tộc ở Gia Lai - Kontum* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1988); Mạc Đường (Chủ biên), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng* (Đà Lạt: Sở VHTT Lâm Đồng, 1983); Ngô Đức Thịnh (Chủ biên), *Văn hóa dân gian Êđê* (Hà Nội, Văn hóa Dân tộc, 1993); *Văn hóa dân gian Mnông* (Hà Nội: Văn hóa Dân tộc, 1993); Nhiều tác giả, *Sử thi Tây Nguyên* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1998)...

[3] Ngô Đức Thịnh, *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1993).

[4] V.I. Lênin, *Toàn tập*, Tập 13 (Matxcơva: Tiến bộ, 1982).

[5] Đặng Nghiêm Vạn và các tác giả, *Các dân tộc ở Gia Lai - Kontum* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1988); Bế Viết Đẳng và các tác giả, *Đại cương các dân tộc Êđê, Mnông ở Đắc Lắc* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 1987).

[6] Nhiều tác giả, *Một số vấn đề phát triển kinh tế - xã hội buôn làng các dân tộc Tây Nguyên* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, 2002).